

MAI NGỌC CHỦ
VŨ ĐỨC NGHIỆU
HOÀNG TRỌNG PHIÊN

CƠ SỞ NGÔN NGỮ HỌC VÀ TIẾNG VIỆT

GUYỄN
LIÊU

3



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

MAI NGỌC CHỮ - VŨ ĐỨC NGHIỆU
HOÀNG TRỌNG PHIẾN

CƠ SỞ NGÔN NGỮ HỌC VÀ TIẾNG VIỆT

(Tái bản lần thứ chín)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

04-2008/CXB/468-1999/GD

Mã số : 7X189h8

LỜI NÓI ĐẦU CHO LẦN TÁI BẢN THỨ 9

Ngay từ khi in lần đầu, giáo trình này đã được độc giả trong cả nước, nhất là giảng viên và sinh viên nhiều trường đại học đón nhận và sử dụng. Từ đó đến nay, giáo trình đã được tái bản tới 9 lần. Điều đó đủ nói lên tính hữu dụng của nó đối với đông đảo bạn đọc.

Như tên gọi của cuốn sách, đây là giáo trình cơ sở về ngôn ngữ và tiếng Việt. Những kiến thức được đề cập đến ở đây, vì vậy tương đối đơn giản, dễ hiểu, mang tính "nhập môn" là chủ yếu. Giáo trình không đề cập đến những tranh luận khoa học phức tạp và những vấn đề mang tính chuyên sâu của từng chuyên ngành.

Đối tượng phục vụ của giáo trình là sinh viên các chuyên ngành Ngữ văn, Ngoại ngữ, Đông phương học, Quốc tế học,... thuộc các trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Sư phạm, Đại học Ngoại ngữ, v.v...

Tập thể tác giả của giáo trình là Giáo sư và phó Giáo sư đã có nhiều năm giảng dạy ngôn ngữ học và Việt ngữ học tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội (trước đây là Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội). Trong giáo trình này, nội dung được biên soạn theo sự phân công như sau :

Phần thứ nhất : Tổng luận

Chương I, II : PGS. TS Vũ Đức Nghiệu và GS. TS Hoàng Trọng Phiến

Chương III, IV : PGS. TS Vũ Đức Nghiệu

Phần thứ hai Cơ sở ngữ âm học và ngữ âm tiếng Việt
GS. TS Mai Ngọc Chừ.

Phần thứ ba : Cơ sở từ vựng học và từ vựng tiếng Việt :
PGS. TS Vũ Đức Nghiệu.

Phần thứ tư : Cơ sở ngữ pháp học và ngữ pháp tiếng Việt

Chương XVIII, XIX, XX : GS. TS Mai Ngọc Chừ và GS. TS Hoàng Trọng Phiến.

Chương XXI, XXII, XXIII : GS. TS Hoàng Trọng Phiến.

Trong khi soạn thảo giáo trình, chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ của các đồng nghiệp trong và ngoài trường. Riêng GS. TS Diệp Quang Ban đã đóng góp rất tích cực cho ba chương cuối của phần thứ tư. Nhân đây chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả.

Các tác giả và Nhà xuất bản cũng xin bày tỏ lời cảm ơn trân trọng đến các độc giả và mong nhận được ý kiến góp ý để chất lượng cuốn sách ngày càng tốt hơn.

Hà Nội, mùa Xuân 2008

Thay mặt các tác giả

GS. TS mai Ngọc Chừ

QUY ƯỚC TRONG CÁCH TRÌNH BÀY

1. Các chú thích ở cuối trang ứng với những chữ số ghi ở phía trên, đặt giữa hai ngoặc tròn, ví dụ : (1).

2. Tài liệu dẫn trong sách được ghi bằng chữ số, đặt giữa hai ngoặc vuông, ví dụ : [15] – Chữ số này ứng với số được ghi ở mục *Tài liệu tham khảo* cuối mỗi phần. Ví dụ ở phần II (*Cơ sở ngữ âm học và ngữ âm tiếng Việt*) số [15] là tài liệu : Đoàn Thiện Thuật. *Ngữ âm tiếng Việt*, H., 1980.

3. Dấu ngoặc kép "..." được dùng để phiên âm các từ hoặc biểu thị các âm bằng chữ cái thông thường, ví dụ "a", "cam" ; dấu ngoặc vuông [...] dùng ghi các âm tố, ví dụ [sistra] và dấu vạch chéo dùng ghi các âm vị, ví dụ /tan/. Kí hiệu đặt trong hai ngoặc vuông và trong hai vạch chéo là kí hiệu phiên âm quốc tế.

Phần thứ nhất

TỔNG LUẬN



- *Bản chất xã hội của ngôn ngữ*
- *Hệ thống tín hiệu ngôn ngữ*
- *Nguồn gốc và diễn tiến của ngôn ngữ*
- *Phân loại các ngôn ngữ*

Chương I

BẢN CHẤT XÃ HỘI CỦA NGÔN NGỮ

Về mặt thời gian lịch sử, chắc hẳn ngôn ngữ của loài người phải cổ xưa hơn rất nhiều lần so với ngay cả những huyền thoại xưa cũ nhất. Nó gắn bó với sự sống của con người như đồ ăn thức uống, như sự thở ra, hít vào... ; đến nỗi dường như không mấy khi mỗi người chúng ta nghĩ tới nó, nghĩ rằng có một cái gọi là *ngôn ngữ* tồn tại với mình.

Nhưng rồi có lúc chúng ta tự hỏi : *Ngôn ngữ là gì ?*

Lời giải đáp cho câu hỏi đó không phải chỉ có một và không thể chỉ có một, bởi vì bản thân ngôn ngữ vốn là một đối tượng hết sức phức tạp và đa diện.

I. TRƯỚC HẾT, NGÔN NGỮ LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI

1. Nói rằng *ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội* là bởi vì một sự thật hiển nhiên : nó không phải là hiện tượng tự nhiên (vốn là những hiện tượng tồn tại một cách khách quan, không lệ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người) như sao băng, thủy triều, động đất...

Ngôn ngữ chỉ sinh ra và phát triển trong xã hội loài người, do ý muốn và nhu cầu người ta phải giao tiếp với nhau trong quá trình sống và tồn tại, phát triển. Bên ngoài xã hội loài người, ngôn ngữ không thể phát sinh. Điều này được chứng minh qua hai câu chuyện sau đây. Chuyện thứ nhất : Theo nhà sử học Hêdôrôt, hoàng đế Zêlan Utdin Acba đã cho tiến hành một thí nghiệm để xem một đứa trẻ không cần ai dạy bảo, có thể biết được đạo của mình hay không, có biết nói tiếng nói của tổ tiên mình và gọi tên vị thần của dòng đạo mình hay không. Ông ta đã cho bắt cóc một số trẻ sơ sinh thuộc nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo, dòng đạo

khác nhau, đem nuôi cách li hoàn toàn với xã hội trong một tháp kín ; không ai được đến gần ; cho ăn uống qua một đường dây... Mười hai năm sau, cửa tháp được mở. Những đứa trẻ vẫn lớn lên ; nhưng chúng có nhiều biểu hiện của thú hơn là người ; và không hề có biểu hiện nào về tiếng nói hoặc tin ngưỡng, tôn giáo cả. Chuyện thứ hai Năm 1920, ở Ấn Độ, người ta phát hiện ra hai em bé gái được chó sói nuôi sống trong một cái hang. Một em khoảng hai tuổi, một em khoảng bảy, tám tuổi. Sau khi được cứu trở về, em nhỏ bị chết ; em lớn sống được, nhưng chỉ có những tập tính của chó sói không có ngôn ngữ, chỉ biết gầm gừ, bò bằng cả tứ chi dựa trên hai bàn tay, hai bàn chân ; thỉnh thoảng cất tiếng sủa như sói về ban đêm...

Sau gần bốn năm em bé này mới học được 6 từ, và qua 7 năm được gần 50 từ. Đến 16 tuổi, em mới nói như một đứa trẻ 4 tuổi và không sống được nữa.

2. Ngôn ngữ cũng không phải là hiện tượng của cá nhân tôi, cá nhân anh ; mà nó là của *chúng ta*. Chính vì nó là cái chung của xã hội, của chúng ta , cho nên anh nói tôi mới hiểu, và chúng ta hiểu nhau. Về mặt này, đối với mỗi cá nhân, ngôn ngữ như một thiết chế xã hội chặt chẽ, được giữ gìn và phát triển trong kinh nghiệm, trong truyền thống chung của cả cộng đồng. Thiết chế đó chính là một tập hợp của những thói quen nói, nghe và hiểu, được tiếp thu một cách dễ dàng và liên tục ngay từ thời thơ ấu của mỗi chúng ta. Vì thế, những thói quen này về sau rất khó thay đổi. Nó như là một cái gì đấy bắt buộc đối với mỗi người trong mọi người.

Dấu sao thì tiếng Việt cũng vẫn gọi con mèo, cái nhà, người mẹ... bằng các từ *mèo, nhà, mẹ...* Còn tiếng Anh thì gọi bằng các từ *cat, house, mother...* chứ không thể dễ dàng thay thế bằng từ khác hoặc đánh đổi cho nhau.

Mặt khác, sự phân biệt giữa ngôn ngữ chuẩn, ngôn ngữ văn hóa chung của mỗi cộng đồng dân tộc với các biến dạng khác của nó trong các cộng đồng người nhỏ hơn, phân chia theo phạm vi lãnh thổ hoặc tầng lớp xã hội (gọi là những tiếng địa phương, phương ngữ xã hội) cũng chính là những biểu hiện sinh động.

đa dạng về tính xã hội của ngôn ngữ. Ví dụ, từ *lời lẽ* của tiếng Việt chuẩn mực được phát âm thành *nhời nhẽ*, đó là cách phát âm của phương ngữ Bắc bộ Việt Nam. Trong khi đó, nếu phát âm thành *nời nẽ* thì đây lại là hiện tượng nói ngọng và bị coi là lỗi.

3. Ngôn ngữ cũng không phải là hiện tượng sinh vật vì nó không mang tính di truyền. Người ta có được ngôn ngữ là nhờ quá trình học tập, tiếp thu từ những người cùng sống ở xung quanh.

Mặt khác, so với tiếng kêu của các loài động vật, ngôn ngữ loài người cũng khác hẳn về chất. Tiếng kêu đó, loài động vật có thể dùng để "trao đổi thông tin" như : kêu gọi bạn tình trong các mùa hôn phối, hay là báo tin có thức ăn, có sự nguy hiểm... nhưng tất cả đều vô tình xuất hiện dưới ảnh hưởng của những "cảm xúc" khác nhau. Chúng - những tiếng kêu đó - là bẩm sinh ; sự "trao đổi thông tin" là vô ý thức. Đó là những kết quả của quá trình di truyền chứ không giống nhau như kết quả của trẻ em học nói.

Còn hiện tượng một số con vật học nói được tiếng người thì rõ ràng lại là kết quả của quá trình rèn luyện phản xạ có điều kiện. Những con vật "biết nói" đó dù thông minh đến mấy cũng không thể nào tự lĩnh hội được hoặc phát âm được những âm thanh để biểu thị khái niệm khi nó ở ngoài một hoàn cảnh cụ thể với một kích thích cụ thể.

4. Chẳng những ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội như đã phân tích bên trên ; mà hơn thế nữa, nó là một hiện tượng xã hội đặc biệt. Tính chất đặc biệt này thể hiện ở chỗ nó không thuộc về kiến trúc thượng tầng của riêng một xã hội nào ; cho nên khi một cơ sở hạ tầng nào đó bị phá vỡ, kéo theo sự sụp đổ của kiến trúc thượng tầng tương ứng, thì nó (ngôn ngữ) vẫn là nó. Mặt khác ngôn ngữ không mang tính giai cấp. Nó ứng xử bình đẳng đối với tất cả mọi người trong xã hội. Tuy vậy, mỗi người, mỗi nhóm người... không vô can với nó mà họ sử dụng cho nó mục đích của mình, theo cách của mình sao cho có hiệu quả nhất.